

Số: 424/NQ-HĐND

Gia Lai, ngày 14 tháng 10 năm 2024

NGHỊ QUYẾT

**Thông nhất phương án vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ
và nguồn trả nợ để đầu tư dự án Hiện đại hóa thích ứng
biến đổi khí hậu tỉnh Gia Lai (ADB9)**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI
KHÓA XII, KỲ HỌP THỨ HAI MƯƠI HAI (CHUYÊN ĐỀ)**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quản lý nợ công ngày 23 tháng 11 năm 2017;

*Căn cứ Nghị định số 93/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính
phủ quy định về quản lý nợ của chính quyền địa phương;*

*Căn cứ Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 của Chính
phủ về cho vay lại nguồn vốn ODA, vay ưu đãi nước ngoài của Chính phủ;*

*Căn cứ Nghị định số 79/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 8 năm 2021 về sửa đổi
bổ sung một số điều của Nghị định số 97/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị định số 114/2021/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2021 của
Chính phủ về quản lý và sử dụng vốn hỗ trợ phát triển chính thức (ODA) và vốn
vay ưu đãi của Nhà tài trợ nước ngoài;*

*Căn cứ Nghị định số 20/2023/NĐ-CP ngày 04 tháng 5 năm 2023 của Chính
phủ về sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 114/2021/NĐ-CP;*

*Căn cứ Quyết định số 164/QĐ-TTg ngày 08 tháng 2 năm 2022 của Thủ
tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư Dự án “Hiện đại hóa thủy lợi thích
ứng biến đổi khí hậu tỉnh Gia Lai”, vay vốn ADB;*

*Căn cứ Quyết định 1012/QĐ-TTg ngày 29 tháng 8 năm 2022 của Thủ tướng
Chính phủ về việc bổ sung, điều chỉnh, giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn
ngân sách Trung ương giai đoạn 2021-2025 cho các bộ, cơ quan trung ương và
địa phương (đợt 3);*

*Xét Tờ trình số 2334/TTr-UBND ngày 09 tháng 10 năm 2024 của Ủy ban nhân
dân tỉnh về việc đề nghị xem xét chấp thuận phương án vay lại nguồn vốn vay nước
ngoài của Chính phủ và nguồn trả nợ để đầu tư Dự án Hiện đại hóa thủy lợi thích
ứng biến đổi khí hậu tỉnh Gia Lai (ADB9); Báo cáo thẩm tra số 535/BC-BKTNS ngày*

10 tháng 10 năm 2024 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh và ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất phương án vay lại nguồn vốn vay nước ngoài của Chính phủ và nguồn trả nợ để đầu tư dự án Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Gia Lai (ADB9), như sau:

1. Thông tin chung dự án

1.1. Tên dự án: Hiện đại hóa thủy lợi thích ứng biến đổi khí hậu tỉnh Gia Lai.

1.2. Nhà tài trợ: Ngân hàng Phát triển Châu Á (ADB).

1.3. Tổng mức đầu tư dự án là 440,036 tỷ đồng tương đương 18,999 triệu USD (theo Quyết định số 652/QĐ-UBND ngày 09 tháng 6 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai).

1.4. Nhóm dự án, loại, cấp công trình chính thuộc dự án

- Nhóm dự án: Nhóm B.

- Loại công trình chính: Công trình Nông nghiệp và phát triển nông thôn, cấp IV.

1.5. Người quyết định đầu tư: Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.

1.6. Chủ đầu tư: Ban quản lý các dự án đầu tư xây dựng tỉnh Gia Lai

1.7. Địa điểm xây dựng: Huyện Phú Thiện, huyện Ia Pa, thị xã Ayun Pa và huyện Krông Pa, tỉnh Gia Lai.

1.8. Mục tiêu, quy mô đầu tư xây dựng

- Mục tiêu đầu tư:

+ Mục tiêu tổng quát: Tăng cường khả năng thích ứng với hạn hán, lũ lụt và chống chịu với biến đổi khí hậu, nâng cao hiệu quả thủy lợi phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững thông qua đầu tư hiện đại hóa thủy lợi, nâng cao hiệu quả của dịch vụ quản lý tưới, kỹ thuật tưới và hoạt động của hệ thống công trình thủy lợi.

+ Mục tiêu cụ thể: Xây dựng cơ sở hạ tầng tưới tiêu hiện đại thích ứng biến đổi khí hậu; Áp dụng các biện pháp quản lý nước hiệu quả ở nội đồng.

2. Phương án vay lại và trả nợ vay

2.1. Nguồn vốn đầu tư

Tổng mức đầu tư: 440,036 tỷ đồng, tương đương 18,999 triệu USD. Trong đó:

- Vốn vay của ADB: 318,031 tỷ đồng, tương đương 13,731 triệu USD, trong đó:

+ Trung ương cấp phát (70%): 222,62 tỷ đồng, tương đương 9,612 triệu USD;

+ Ủy ban nhân dân tỉnh vay lại (30%): 95,409 tỷ đồng, tương đương 4,119 triệu USD);

- Vốn viện trợ không hoàn lại là 6,941 tỷ đồng, tương đương 0,3 triệu USD (Ngân sách Trung ương cấp phát 100%).

- Vốn đối ứng Ngân sách tỉnh: 115,064 tỷ đồng tương đương 4,968 triệu USD.

2.2. Cơ chế tài chính

- Cơ chế nguồn vốn

Dự án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt chủ trương đầu tư tại Quyết định số 164/QĐ-TTg ngày 08 tháng 2 năm 2022 vốn vay (OCR) của ADB với cơ chế: Ngân sách Trung ương cấp phát 70%; Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai vay lại 30%; vốn viện trợ không hoàn lại do ngân sách Trung ương cấp phát 100%; vốn đối ứng do ngân sách tỉnh bố trí 100%.

- Lãi vay và các khoản phí

Theo Quyết định số 164/QĐ-TTg, ngày 08/02/2022 của Thủ tướng Chính phủ, lãi suất vay áp dụng cho dự án là lãi suất Libor (Lãi suất vay Libor kỳ hạn 6 tháng (biến động theo thị trường) + Chênh lệch 0,5% + Phí niên hạn 0,1% + Phí cam kết 0,15% + Phí quản lý cho vay lại 0,25%).

Tuy nhiên, theo điều kiện vay mới của ADB, lãi suất Libor không được sử dụng tham chiếu các khoản vay kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 được thay thế bằng lãi suất tham chiếu SOFR theo ý kiến của Bộ Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 213/BKHĐT-KTĐN ngày 11 tháng 01 năm 2022. Vì vậy, khoản vay của dự án áp dụng theo lãi suất SOFR (lãi suất vay SOFR kỳ hạn 6 tháng (biến động thị trường) + Chênh lệch 0,5% + Phí niên hạn 0,1% + Phí cam kết 0,15% + Phí quản lý cho vay lại 0,25%).

2.3. Phương án sử dụng vốn vay

Phương án sử dụng vốn của dự án thực hiện theo tổng mức đầu tư được duyệt tại Quyết định số 1127/QĐ-UBND ngày 29/12/2023 của UBND tỉnh như bảng sau:

TT	Hạng mục	Tổng mức đầu tư điều chỉnh (VNĐ)			
		Tổng	Nguồn vốn ADB	Vốn đối ứng (Chính phủ)	Vốn ADB (không hoàn lại)
A	Hợp phần 1	428.171.301.718			
1	Chi phí xây lắp	326.910.191.641	294.433.119.057	32.477.072.584	
2	Chi phí thiết bị	27.628.804.090	23.597.880.000	4.030.924.090	
3	Chi phí quản lý dự án	5.304.823.034		5.304.823.034	
4	Chi phí tư vấn XD	20.067.160.501		20.067.160.501	

5	Chi phí khác	10.370.320.997		10.370.320.997	
6	Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng	28.451.989.000		28.451.989.000	
7	Chi phí dự phòng	9.438.012.456		9.438.012.456	
B	Hợp phần 2	11.864.698.282		4.923.698.282	6.941.000.000
	Tổng mức đầu tư	440.036.000.000	318.031.000.000	115.064.000.000	6.941.000.000

Toàn bộ vốn vay của Nhà tài trợ ADB được sử dụng cho chi phí xây dựng và thiết bị của các hạng mục công trình (trừ hạng mục đường dây trung thế và trạm biến áp cấp điện cho 05 trạm bơm).

2.4. Phương án trả nợ gốc, lãi và phí

- Đối với khoản nợ gốc: 4,1193 triệu USD, tương đương 95,409 tỷ đồng, trả nợ trong vòng 20 năm, bình quân 205.969 USD/năm tương đương 4,77 tỷ đồng/năm.

- Đối với phần lãi và phí: 3.776.037 USD tương đương 87,45 tỷ đồng trả trong vòng 25 năm.

- Nguồn trả nợ: Việc xử lý trả nợ gốc, lãi và các khoản phí có liên quan đến khoản vay của chính quyền địa phương được thực hiện theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 93/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018 (Điều 11 và Điều 12). Do đó, khi dự án được thẩm định vay lại và đàm phán ký hiệp định vay lại với lãi suất tham chiếu SOFR, hàng năm địa phương sẽ cân đối bố trí nguồn trả nợ gốc vay, lãi, phí và các chi phí liên quan theo quy định (đối với nợ gốc được bố trí từ nguồn vốn chi đầu tư phát triển trong kế hoạch trung hạn giai đoạn 2021-2025 và các giai đoạn tiếp theo; đối với lãi, phí và các chi phí liên quan sẽ được bố trí trong dự toán đầu năm của ngân sách địa phương). Trường hợp không đảm bảo trả nợ gốc, lãi vay theo quy định, địa phương sẽ bố trí dự toán chi đầu tư phát triển trong cân đối để tạo nguồn trả nợ gốc đến hạn theo quy định của Chính phủ tại Nghị định số 93/2018/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2018.

2.5. Khả năng vay lại của tỉnh Gia Lai

UBND tỉnh chịu trách nhiệm trong việc rà soát mức dư nợ vay của ngân sách địa phương tại thời điểm đề nghị vay lại, không vượt quá hạn mức dư nợ của ngân sách địa phương, theo quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước; đảm bảo chính xác về số liệu trong phương án sử dụng vốn vay, phương án vay lại và trả nợ vay khi đàm phán hiệp định

Các số liệu trên làm cơ sở thực hiện đàm phán, số liệu chính thức sẽ được cập nhật lãi suất vay, các loại phí, phụ phí theo kỳ hạn, tỷ giá đồng tiền vay trong quá trình tổ chức đàm phán và được thống nhất khi Hiệp định vay có hiệu lực.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai, thực hiện Nghị quyết này.
2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh, Hội đồng nhân dân các cấp và các cơ quan có liên quan theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao giám sát việc thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai khóa XII, Kỳ họp thứ Hai mươi hai (chuyên đề) thông qua ngày 14 tháng 10 năm 2024 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ: Kế hoạch và Đầu tư; Tài chính; Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Thường trực Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH tỉnh, HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh; Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Ủy ban Kiểm tra Tỉnh ủy; Ban Tuyên giáo Tỉnh ủy;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh;
- Các Văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND, UBND tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Báo Gia Lai, Đài PT-TH tỉnh;
- Lưu: VT - VP.



Hồ Văn Niên

